

Hải Dương, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Đánh giá tác động chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đối với một số đối tượng là thành viên thuộc hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2023, trên địa bàn tỉnh có 8.695 hộ nghèo với 17.333 nhân khẩu, tổng hợp kết quả rà soát của các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh có 17.333 người thuộc hộ nghèo, trong đó có 8.519 người là thành viên thuộc 5.931 hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, chủ yếu thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động. Những người này thuộc các đối tượng sau (có trường hợp 01 người thuộc nhiều đối tượng):

- Là người khuyết tật mức độ nặng trở lên được cấp giấy xác nhận khuyết tật theo quy định tại Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH) và Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/8/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận nơi cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: 2.477 người.

- Mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định tại danh mục Phụ lục IV Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (sau đây viết tắt là Nghị định 134/2016/NĐ-CP): 807 người.

- Bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên theo kết luận giám định y khoa của Hội đồng giám y khoa cấp tỉnh trở lên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Bộ Y tế và Bộ

Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích, bệnh, tật và bệnh nghề nghiệp (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH): 13 người.

- Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định tại Thông tư số 46/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Y tế ban hành Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày (sau đây viết tắt là Thông tư số 46/2016/TT-BYT): 869 người.

- Là người dưới 16 tuổi, thuộc một trong các trường hợp: Bị nhiễm HIV/AIDS theo quy định của pháp luật; Bị bỏ rơi; Tạm thời cách ly khỏi cha, mẹ theo quy định của pháp luật; Có cha, mẹ chết, mất tích, ly hôn theo quy định của pháp luật; Có cha, mẹ thuộc một trong các trường hợp có hoàn cảnh khó khăn (Đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng hoặc đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội; Đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; Bị mắc bệnh hiểm nghèo theo danh mục quy định; Bị khuyết tật mức độ nặng trở lên; Bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên; Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định): 1.344 người.

- Là người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên, có hoàn cảnh khó khăn: 3.886 người, cụ thể thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Không có vợ, chồng, con hoặc có vợ, chồng nhưng đã ly hôn hoặc có vợ, chồng, con nhưng đã chết, mất tích theo quy định của pháp luật;

+ Có vợ, chồng, con nhưng những người này thuộc một trong các trường hợp có hoàn cảnh khó khăn (Đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng hoặc đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội; Đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; Bị mắc bệnh hiểm nghèo theo danh mục quy định; Bị khuyết tật mức độ nặng trở lên được cấp giấy xác nhận khuyết tật; Bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên; Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định, là người cao tuổi theo quy định của pháp luật);

+ Các thành viên trong hộ gia đình đều là người cao tuổi theo quy định của pháp luật.

* Trong số 8.519 người có 5.992 người đang hưởng trợ cấp hàng tháng, gồm: 5.960 người đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ, 17 người đang hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội, 15 người hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng đối với thân nhân người có công với cách mạng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công.

Các đối tượng nêu trên hoàn cảnh gia đình và bản thân khó khăn, các khoản trợ cấp được nhận hàng tháng (nếu có) còn thấp, đồng thời đa số là người không có khả năng lao động nên không có khả năng tự tạo thêm thu nhập, từ đó không có khả năng thoát nghèo. Mặt khác, các đối tượng này phần lớn thuộc các hộ nghèo thiếu hụt các chỉ số dịch vụ xã hội cơ bản: không có BHYT; không sử dụng Internet; trên 50% thành viên hộ là người phụ thuộc. Đối với chỉ số 02 dịch vụ cơ bản không sử dụng Internet; trên 50% thành viên hộ là người phụ thuộc rất khó tác động do người cao tuổi không có nhu cầu nhiều về sử dụng Internet, nhưng chỉ số dịch vụ cơ bản về BHYT thì rất cần thiết đối với người cao tuổi.

Vậy, đối chiếu quy định của pháp luật và các văn bản triển khai, chỉ đạo của Trung ương và tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về chính sách hỗ trợ đối với một số đối tượng là thành viên thuộc hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương, trong đó có chính sách hỗ trợ về trợ cấp hàng tháng và BHYT cho các đối tượng khó khăn nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

a) Mục tiêu tổng thể

Thực hiện trợ cấp hàng tháng và BHYT đối với một số đối tượng người thuộc hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương thể hiện sự quan tâm đến một số đối tượng yếu thế trong xã hội, thực hiện tốt hơn công tác đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh, bảo đảm người dân được hưởng chính sách kịp thời, góp phần bảo đảm công bằng, ổn định xã hội và phát triển bền vững và giúp cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn thuộc hộ nghèo có điều kiện thoát nghèo.

b) Mục tiêu cụ thể

Quy định phạm vi, đối tượng, nguyên tắc thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ bảo hiểm y tế đối với một số đối tượng là thành viên thuộc hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, khó khả năng thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Tên gọi của chính sách: Quy định về chính sách hỗ trợ đối với một số đối tượng là thành viên thuộc hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

1. Xác định vấn đề

Trong những năm qua được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và sự nỗ lực, trách nhiệm của các Sở, ngành, địa phương cũng như sự hưởng ứng tích cực thực hiện của cộng đồng, người dân, công tác giảm nghèo đã đạt được những kết quả tốt, các chính sách thuộc Chương trình giảm nghèo đã được các cấp, các ngành quan tâm tổ chức triển khai từ đó tác

động trực tiếp đến đời sống người thuộc hộ nghèo, giúp họ tiếp cận được các chính sách trợ giúp của nhà nước. Tuy nhiên, tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh còn cao, trong đó hộ nghèo không có khả năng lao động chiếm tỷ lệ cao và khó có khả năng thoát nghèo.

Tại tỉnh Hải Dương, Tổng hợp kết quả rà soát của các huyện, thị xã, thành phố, trên địa bàn tỉnh có 17.333 người thuộc hộ nghèo, trong đó có 8.519 người là thành viên thuộc 5.931 hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, chủ yếu thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động. Những người này thuộc các đối tượng sau (có trường hợp 01 người thuộc nhiều đối tượng):

- Là người khuyết tật mức độ nặng trở lên được cấp giấy xác nhận khuyết tật theo quy định tại Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH) và Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/8/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận nơi cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: 2.477 người.

- Mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định tại danh mục Phụ lục IV Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (sau đây viết tắt là Nghị định 134/2016/NĐ-CP): 807 người.

- Bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên theo kết luận giám định y khoa của Hội đồng giám y khoa cấp tỉnh trở lên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 27/9/2013 của Bộ Y tế và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích, bệnh, tật và bệnh nghề nghiệp (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH): 13 người.

- Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định tại Thông tư số 46/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Y tế ban hành Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày (sau đây viết tắt là Thông tư số 46/2016/TT-BYT): 869 người.

- Là người dưới 16 tuổi, thuộc một trong các trường hợp: Bị nhiễm HIV/AIDS theo quy định của pháp luật; Bị bỏ rơi; Tạm thời cách ly khỏi cha, mẹ theo quy định của pháp luật; Có cha, mẹ chết, mất tích, ly hôn theo quy định của pháp luật; Có cha, mẹ thuộc một trong các trường hợp có hoàn cảnh khó khăn (Đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng hoặc đang được chăm sóc,

nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội; Đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; Bị mắc bệnh hiểm nghèo theo danh mục quy định; Bị khuyết tật mức độ nặng trở lên; Bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên; Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định): 1.344 người.

- Là người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên, có hoàn cảnh khó khăn: 3.886 người, cụ thể thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Không có vợ, chồng, con hoặc có vợ, chồng nhưng đã ly hôn hoặc có vợ, chồng, con nhưng đã chết, mất tích theo quy định của pháp luật;

+ Có vợ, chồng, con nhưng những người này thuộc một trong các trường hợp có hoàn cảnh khó khăn (Đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng hoặc đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội; Đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; Bị mắc bệnh hiểm nghèo theo danh mục quy định; Bị khuyết tật mức độ nặng trở lên được cấp giấy xác nhận khuyết tật; Bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên; Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định, là người cao tuổi theo quy định của pháp luật);

+ Các thành viên trong hộ gia đình đều là người cao tuổi theo quy định của pháp luật.

Các đối tượng nêu trên hoàn cảnh gia đình và bản thân khó khăn, các khoản trợ cấp được nhận hàng tháng (nếu có) còn thấp, đồng thời đa số là người không có khả năng lao động nên không có khả năng tự tạo thêm thu nhập, từ đó không có khả năng thoát nghèo. Mặt khác, các đối tượng này phần lớn thuộc các hộ nghèo thiếu hụt các chỉ số dịch vụ xã hội cơ bản: không có BHYT; không sử dụng Internet; trên 50% thành viên hộ là người phụ thuộc. Đối với chỉ số 02 dịch vụ cơ bản không sử dụng Internet; trên 50% thành viên hộ là người phụ thuộc rất khó tác động do người cao tuổi không có nhu cầu nhiều về sử dụng Internet, nhưng chỉ số dịch vụ cơ bản về BHYT thì rất cần thiết đối với người cao tuổi. Từ thực tiễn trên, cần có chính sách trợ cấp hàng tháng và BHYT cho các đối tượng này.

2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Trên cơ sở các quy định tại điểm e Khoản 5 Điều 19 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 quy định Hội đồng nhân dân tỉnh “*Quyết định biện pháp thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng; biện pháp thực hiện chính sách an sinh xã hội và phúc lợi xã hội; biện pháp xóa đói, giảm nghèo*” và các quy định của pháp luật, kết quả khảo sát đối tượng là thành viên hộ nghèo, có hoàn cảnh khó khăn, cần quy định về việc trợ cấp hàng tháng, hỗ trợ bảo hiểm y tế đối với một số đối tượng là thành viên

thuộc hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương làm cơ sở thực hiện tốt hơn công tác an sinh xã hội, tiếp tục quan tâm đến các đối tượng yếu thế, góp phần nâng cao tỷ lệ người tham gia BHYT trên địa bàn tỉnh.

3. Giải pháp

Đề xuất HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về việc trợ cấp hàng tháng đối với một số đối tượng là thành viên thuộc hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương như sau:

1. Trợ cấp hàng tháng

1.1. Đối tượng

1.1.1. Đối tượng là thành viên thuộc hộ nghèo, thuộc các trường hợp sau:

a) Là người khuyết tật mức độ nặng trở lên được cấp giấy xác nhận khuyết tật theo quy định tại Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện và được điều chỉnh theo văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung;

b) Mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định tại danh mục Phụ lục IV Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và được điều chỉnh theo văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung;

c) Bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên theo kết luận giám định y khoa của Hội đồng giám y khoa cấp tỉnh trở lên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Bộ Y tế và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích, bệnh, tật và bệnh nghề nghiệp và được điều chỉnh theo văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung;

d) Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định tại Thông tư số 46/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Y tế ban hành Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày và được điều chỉnh theo văn bản thay thế, sửa đổi, bổ sung;

đ) Là người dưới 16 tuổi, thuộc một trong các trường hợp: Bị nhiễm HIV/AIDS theo quy định của pháp luật; Bị bỏ rơi; Tạm thời cách ly khỏi cha, mẹ theo quy định của pháp luật; Có cha, mẹ chết, mất tích, ly hôn theo quy định của pháp luật; Có cha, mẹ thuộc một trong các trường hợp có hoàn cảnh khó khăn (Đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng hoặc đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội; Đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; Bị mắc bệnh hiểm nghèo theo danh mục quy định; Bị khuyết tật

mức độ nặng trở lên; Bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên; Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định);

e) Là người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên, thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không có vợ, chồng, con hoặc có vợ, chồng nhưng đã ly hôn hoặc có vợ, chồng, con những đã chết, mất tích theo quy định của pháp luật.

- Có vợ, chồng, con nhưng những người này thuộc một trong các trường hợp có hoàn cảnh khó khăn sau: Đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng hoặc đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội; Đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; Bị mắc bệnh hiểm nghèo theo danh mục quy định; Bị khuyết tật mức độ nặng trở lên được cấp giấy xác nhận khuyết tật; Bị tổn thương cơ thể từ 81% trở lên; Mắc bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định.

- Các thành viên trong hộ gia đình đều là người cao tuổi theo quy định của pháp luật.

1.1.2. Trường hợp là thành viên hộ nghèo được hưởng chính sách theo Nghị quyết này mà hộ thoát nghèo trong năm 2025.

1.2. Mức trợ cấp hàng tháng

Đối tượng quy định tại điểm 1.1 mục 3 Phần II của Báo cáo này được hưởng mức trợ cấp hàng tháng là 2.000.000 đồng/người/tháng đối với người sống tại khu vực thành thị, 1.500.000 đồng/người/tháng đối với người sống tại khu vực nông thôn. Trường hợp người thuộc nhiều đối tượng theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết này hoặc thuộc đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 và các văn bản hướng dẫn Luật Bảo hiểm xã hội hoặc đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng đối với thân nhân người có công với cách mạng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công thì chỉ được trợ cấp hàng tháng thêm đảm bảo tổng mức trợ cấp hàng tháng bằng 2.000.000 đồng/người/tháng đối với người sống tại khu vực thành thị, 1.500.000 đồng/người/tháng đối với người sống tại khu vực nông thôn.

2. Hỗ trợ bảo hiểm y tế

Đối tượng quy định tại điểm 1.1 mục 3 Phần II Báo cáo này được hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế hàng tháng (trừ các đối tượng đang được hỗ trợ bảo hiểm y tế do chính sách khác) sau khi hộ được công nhận thoát nghèo trong năm 2025 với mức hỗ trợ theo quy định hiện nay (4,5% mức lương cơ sở).

4. Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật làm cơ sở để các địa phương thực hiện chính sách. Việc ban hành chính sách phù hợp với quy định tại điểm e Khoản 5 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và không có quy định trái với các quy định của pháp luật hiện hành.

- Tác động đối với kinh tế - xã hội: Thể hiện tính nhân văn, chủ trương của Đảng và chính sách Nhà nước trong việc bảo đảm an sinh xã hội; tạo sự đồng thuận, đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng của người dân trên địa bàn tỉnh nói chung, kịp thời hỗ trợ, động viên người cao tuổi, người khuyết tật... có hoàn cảnh khó khăn tự vươn lên trong cuộc sống sớm thoát nghèo; đồng thời việc hỗ trợ BHYT cho người nghèo sau khi thoát nghèo giúp cho tăng tỷ lệ người dân tham gia BHYT theo định hướng phát triển y tế toàn dân của Ban Chấp hành Trung ương. Chính sách phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, góp phần bảo đảm công bằng, ổn định xã hội và phát triển bền vững.

- Tác động về giới: Không có.

- Tác động về thủ tục hành chính: Giải pháp không làm phát sinh thủ tục hành chính

5. Lựa chọn giải pháp

HĐND tỉnh ban hành nghị quyết, UBND tỉnh căn cứ Nghị quyết chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện quy định về việc trợ cấp hàng tháng và hỗ trợ bảo hiểm y tế đối với một số đối tượng là thành viên thuộc hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Hải Dương theo danh sách hộ nghèo đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

III. PHỤ LỤC

Biểu mẫu đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND;
- Chủ tịch; các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH